

Số: 1366 /QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
Nâng công suất khai thác và chế biến đá xây dựng mỏ Ấp 4 - Khu 1
tại xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến
lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi
hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc
môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong
hoạt động khai thác khoáng sản;*

*Theo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
Nâng công suất khai thác và chế biến đá xây dựng mỏ Ấp 4 - Khu 1 tại xã Tóc
Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu của các cơ quan, tổ chức, chuyên
gia được Sở Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến tại văn bản số 6285/STNMT-
CCBVMT ngày 30 tháng 9 năm 2020;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nâng công
suất khai thác và chế biến đá xây dựng mỏ Ấp 4 - Khu 1 tại xã Tóc Tiên, thị xã
Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số
01/2021/CV.Th.T đề ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Công ty TNHH Thương mại
Xây dựng Thiện Tân;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2635/TTr-STNMT ngày 10 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nâng công suất khai thác và chế biến đá xây dựng mỏ Ấp 4 - Khu 1 do Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Thiện Tân làm chủ đầu tư (sau đây gọi là Chủ đầu tư dự án), được thực hiện tại Ấp 4, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Giao Ủy ban nhân dân thị xã Phú Mỹ chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã trong vùng ảnh hưởng của dự án theo dõi, giám sát việc thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường, quản lý chất thải của Chủ đầu tư dự án trong quá trình triển khai thực hiện và hoạt động vận chuyển vật liệu nhằm bảo đảm tuân thủ theo các quy định có liên quan, không gây ảnh hưởng tiêu cực đến các tuyến đường vận chuyển, dân cư khu vực dự án.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2508/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2016 của UBND tỉnh.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Phú Mỹ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ đầu tư dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Cty TNHH TMXD Thiện Tân - Chủ dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã Tóc Tiên;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT, HS, KT7.

(7)





PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN NÂNG CÔNG SUẤT KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ XÂY DỰNG MỎ ÁP 4 - KHU 1, XÃ TÓC TIÊN, THỊ XÃ PHÚ MỸ

(Kèm theo Quyết định số 1366./QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Nâng công suất khai thác và chế biến đá xây dựng mỏ Áp 4 - Khu 1 tại xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.2. Chủ đầu tư dự án

- Chủ đầu tư dự án: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Thiện Tân.
- Địa chỉ: Ấp 4, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Điện thoại: 0909.715.158.
- Đại diện: Ông Võ Thanh Hùng; Chức vụ: Giám đốc.

1.3. Phạm vi, quy mô công suất dự án

- Phạm vi, quy mô: Đầu tư nâng công suất khai thác và chế biến đá xây dựng mỏ Áp 4 - Khu 1 tại xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ với diện tích khoảng 4,55ha; công suất khai thác 65.000 m³/năm (nguyên khối).

- Địa điểm thực hiện dự án: Tại Ấp 4 - Khu 1, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Thời gian khai thác khoảng 6 năm 8 tháng.

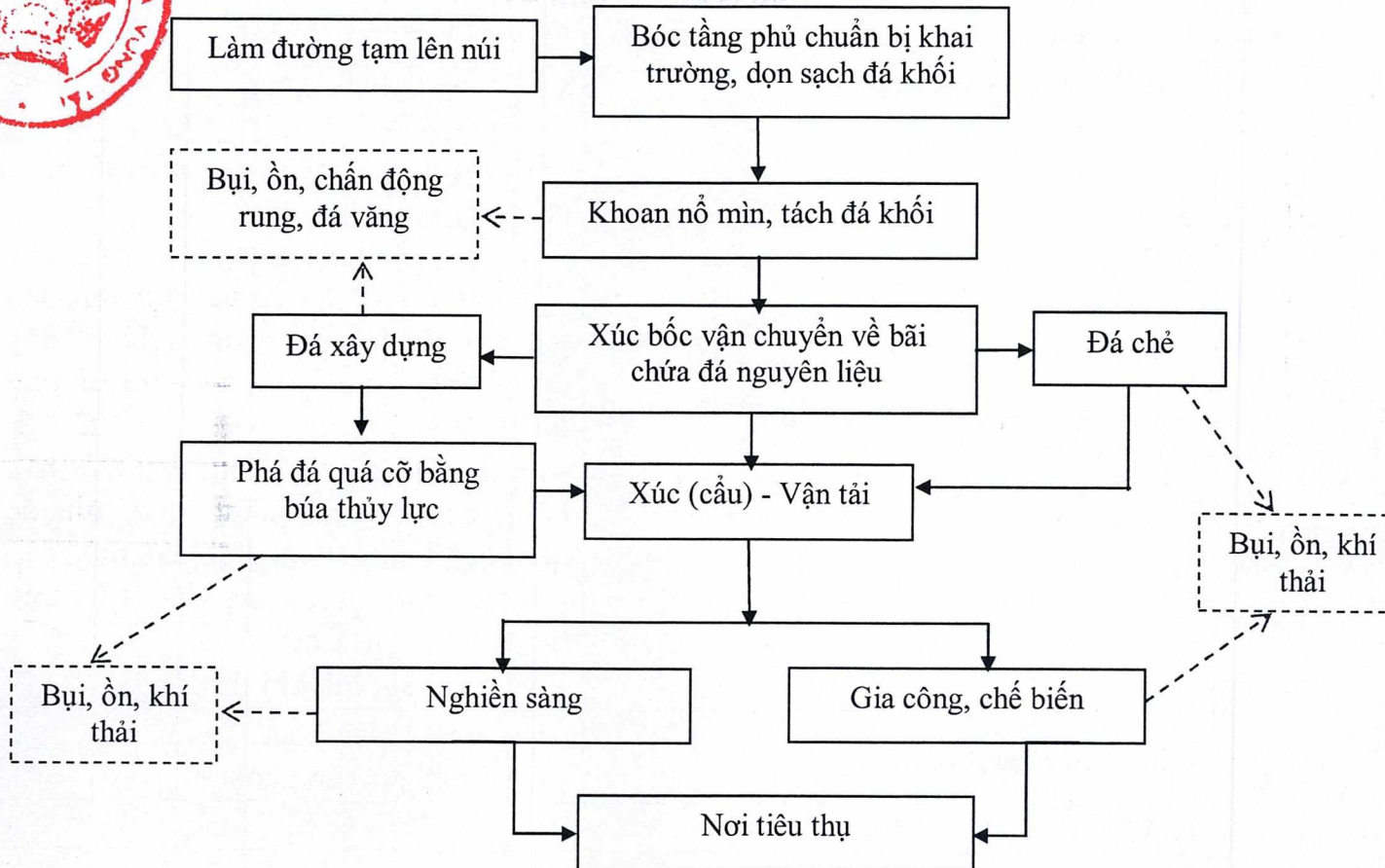
1.4. Các hạng mục, công trình chính của dự án

STT	Hạng mục	Kích thước (m)	Diện tích (m ²)
I	Các hạng mục công trình chính		
1	Khai trường	-	45.500
2	Sân công nghiệp	-	18.000
	Khu chế biến đá xây dựng	-	6.500
	Khu chế biến đá chẻ	-	1.300
	Khu bãi thải tạm	-	2.000
II	Các hạng mục công trình phụ trợ chính		
1	Nhà bảo vệ	5 x 6	30

STT	Hạng mục	Kích thước (m)	Diện tích (m ²)
2	Trạm biến thế	5 x 6	30
3	Khu vực văn phòng điều hành mỏ	10 x 20	200
4	Nhà ăn công nhân	10 x 10	100
5	Nhà nghỉ công nhân	10 x 14	140
6	Khu vệ sinh	6 x 10	60
7	Khu nhà kho vật tư	5 x 20	100
8	Khu nhà kho nhiên liệu	5 x 20	100
9	Khu nhà xưởng	10 x 28	280
10	Khu vực bãi để xe công trình	10 x 20	200
11	Trạm cân	10 x 10	100
12	Đường vận chuyển nội mỏ và ngoài mỏ	-	-
13	Hệ thống cấp điện	-	-
14	Hệ thống cấp nước	-	-
III	Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường chính		
1	Kho chứa chất thải nguy hại	-	20
2	Thùng chứa rác thải sinh hoạt	05 thùng	10 - 200 lít
3	Nhà vệ sinh di động	2 cái	-
4	Rãnh thoát nước quanh khai trường	dài 1.096 m, rộng 1m, sâu 0,5m	1.096 m ²
5	Hồ lắng	25 x 25	500
6	Hồ thu nước	-	600

1.5. Công nghệ sản xuất

Sơ đồ tổng quát dây chuyền công nghệ chính:



(Các thông tin về dự án nêu trên căn cứ theo nội dung mô tả trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu, hiện trạng đã nêu trong báo cáo ĐTM; thực hiện thi công xây dựng dự án theo đúng thiết kế, phương án thi công, ... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định)

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

STT	Các hoạt động của dự án	Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh
I. Giai đoạn xây dựng cơ bản		
1	Phát quang, giải phóng mặt bằng	- Tác động đến dân cư sinh sống trong khu vực mỏ do việc chiếm dụng đất và giải phóng mặt bằng. - Tác động đến cảnh quang. - Bụi, khí thải, tiếng ồn. - Thực vật phá bỏ phát sinh khối lượng thực bì (rễ, cành lá).

2	Vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thi công	- Bụi, khí thải, tiếng ồn của các phương tiện vận chuyển. - Bụi từ công đoạn bốc dỡ, lưu trữ nguyên vật liệu xây dựng. - Gia tăng mật độ giao thông trong tuyến đường vận chuyển ngoài mở.
3	Xây dựng các hạng mục công trình	- Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung của các máy móc thi công. - Bụi từ các hoạt động thi công xây dựng như: làm đường vận chuyển, san gạt mặt bằng sân công nghiệp, xây dựng công trình phụ trợ, làm mương thoát nước... - Chất thải nguy hại như: dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải, pin ắc quy, chì thải, giẻ lau dính dầu mỡ,... - Nước thải: nước mưa chảy trên bề mặt công trường. - Nguy cơ sụt lún khi thi công.
4	Sinh hoạt công nhân	- Nước thải sinh hoạt. - Chất thải rắn sinh hoạt.

II. Giai đoạn khai thác

1	Hoạt động của phương tiện giao thông	- Bụi, khí thải, tiếng ồn. - Gia tăng mật độ giao thông trong khu vực.
2	Bóc tầng phủ	- Ô nhiễm, bụi, khí thải. - Đất tầng phủ.
3	Khoan và nổ mìn	Bụi, tiếng ồn, khí thải, chấn động rung, đá văng.
4	Xúc bốc	Bụi, tiếng ồn, khí thải.
5	Phá đá quá cỡ	Bụi, tiếng ồn, khí thải, chấn động rung.
6	San ủi	Bụi, tiếng ồn, khí thải
7	Vận tải trong mỏ	Bụi, tiếng ồn, khí thải
8	Thải đất đá	- Bụi, tiếng ồn, khí thải - Nước chảy tràn nhiễm bẩn
9	Chế biến khoáng sản	Bụi, tiếng ồn, khí thải
10	Hoạt động sửa chữa máy móc, thiết bị	- Chất thải nguy hại - Nước thải nhiễm dầu mỡ
11	Thoát nước mỏ	- Nước bị nhiễm bẩn: là nước mưa rơi trực tiếp vào các khu vực khai thác. - Bồi lấp mương, rãnh, suối.



12	Sinh hoạt công nhân viên	- Nước thải sinh hoạt. - Chất thải rắn sinh hoạt.
III. Giai đoạn kết thúc khai thác		
1	Đóng cửa mỏ và bàn giao địa phương: Dọn dẹp, san gạt mặt bằng đáy moong; bổ sung đất phủ, trồng cây xanh trên diện tích mặt bằng sau kết thúc khai thác.	Tiếng ồn, bụi, khí thải.

2.2. Quy mô, tính chất của các loại chất thải phát sinh từ dự án

Loại chất thải	Quy mô	Thành phần/ Tính chất
I. Giai đoạn xây dựng cơ bản		
Bụi	- Cải tạo mặt bằng phát quang, dọn mặt bằng, bóc đất phủ, mở vỉa. - Nâng cấp làm đường vận chuyển ngoại mỏ, nội mỏ. - San gạt mặt bằng sân công nghiệp, xây dựng công trình phụ trợ. - Xúc bốc, vận chuyển đất phủ. - Làm rãnh thoát nước quanh mỏ. - Đào hố lắng lọc chứa nước.	- Thành phần: chủ yếu bụi, đất, cát. - Tính chất: chất rắn cơ học.
Khí thải	- Hoạt động của máy móc, thiết bị tại công trường như máy xúc. - Hoạt động của xe vận chuyển đất phủ, đất san lấp.	Thành phần: Tro bụi, SO ₂ , CO, THC, NO _x , VOC,....
Nước thải sinh hoạt	- Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 34 cán bộ công nhân viên của dự án. Khối lượng phát sinh tính toán khoảng 2,38 m³/ngày. - Thời gian chịu tác động: Trong suốt quá trình xây dựng cơ bản.	Thành phần: chất hữu cơ dễ phân huỷ sinh học, chất rắn lơ lửng, vi sinh vật (BOD ₅ , COD, TSS, dầu mỡ,...)
Nước mưa chảy tràn	Tổng diện tích hứng nước mưa khoảng 22.040 m ² (diện tích đường vận chuyển 4.040m ² ; sân công nghiệp 18.000 m ²). Tổng khối lượng khoảng 68,21m ³ /ngày.	Thành phần: chủ yếu là COD, TSS, N, P.
Chất thải rắn thông thường	Phát sinh từ hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng, xây dựng công trình với khối lượng khoảng 14.940 m ³ .	Thành phần: thực vật rế, cành, lá, gạch vỡ, gỗ dăm, sắt thép vụn, bao bì,...

Chất thải rắn sinh hoạt	Trong giai đoạn này dự tính là khoảng 34 người. Tổng lượng phát thải dự tính khoảng 13,6 kg/ngày.	Thành phần: Rác thực phẩm, nilon, giấy vụn phòng,...
Chất thải nguy hại	Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu từ các hoạt động chuẩn bị mặt bằng, bóc phủ, làm đường, xây dựng khu công trình phụ trợ... Tổng khối lượng khoảng 12,8 kg/năm.	Thành phần: Pin, ắc quy chì thải; giẻ lau dính dầu mỡ; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu nhớt thải; bao bì cứng và mềm chứa thành phần nguy hại

II. Trong giai đoạn khai thác

Bụi	- Phát sinh từ khoan, nổ mìn, bóc xúc, chế biến đá, đổ thải và lưu chứa tại bãi thải, phương tiện vận chuyển nội mỏ và thành phẩm ra khỏi dự án,... - Thời gian phát sinh: Trong suốt quá trình khai thác (06 năm khai thác).	Thành phần: tro bụi, SO ₂ , CO, THC, NO _x , VOC,...
Khí thải	- Phát sinh do hoạt động của máy xúc, máy đào, máy đào gấn búa đập; nổ mìn, phương tiện vận chuyển. - Thời gian phát sinh: Trong suốt quá trình khai thác (06 năm khai thác).	Thành phần: bụi, SO ₂ , NO _x , CO, THC, VOC,
Nước thải sinh hoạt	- Số lượng công nhân làm việc thường xuyên trực tiếp tại mỏ là 34 người. Tổng khối lượng phát sinh khoảng 2,38 m³/ngày. - Thời gian phát sinh: Trong suốt quá trình khai thác (06 năm khai thác).	Thành phần: BOD ₅ , COD, Chất rắn lơ lửng, Dầu mỡ, Tổng Nitơ, NH ₃ , Tổng Phốt Pho, Coliform,...
Nước mưa chảy tràn	- Lượng nước mưa tối đa rơi vào khai trường là 124,24 m³/ngày đêm; lượng nước mưa rơi vào khu vực ngoài khai trường là 68,26 m³/ngày đêm. - Trong suốt quá trình khai thác (06 năm khai thác).	Thành phần: chủ yếu là COD, TSS, N, P.
Chất thải rắn sinh hoạt	- Số lượng công nhân làm việc thường xuyên trực tiếp tại mỏ là 34 người. Tổng khối lượng phát sinh khoảng 13,6 kg/ngày. - Trong suốt quá trình khai thác (06 năm khai thác).	Thành phần: bao bì nhựa, vỏ hộp, thủy tinh, giấy các loại, thức ăn thừa, vỏ trái cây, nilon,...



Chất thải rắn công nghiệp	- Tổng lượng đất phủ trong giai đoạn này là 48.699m³ tương đương khoảng 130.026 tấn/năm. - Trong suốt quá trình khai thác (06 năm khai thác).	Thành phần: đất phủ, đá không đủ quy cách, đá rơi vãi (chủ yếu là vật chất vô cơ)
Chất thải nguy hại	- Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu từ quá trình hoạt động và sửa chữa các phương tiện cơ giới, thay thế thiết bị như: giẻ lau dính dầu mỡ, thùng phuy chứa dầu nhớt, bình ắc quy,... với khối lượng dầu nhớt khoảng 570 lít/năm và 172 kg/năm. - Trong suốt quá trình khai thác (06 năm khai thác)	Thành phần: dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải, thùng chứa dầu nhớt, lốp xe, giẻ lau các thành phần nguy hại, pin, acquy thải, bóng đèn huỳnh quang thải

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Đối với nước thải

3.1.1. Giai đoạn xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại mỏ được xử lý bằng nhà vệ sinh di động. Chủ đầu tư ký hợp đồng với cơ sở xử lý có chức năng, năng lực theo quy định thực hiện xử lý định kỳ 2-3 lần/1 tuần. Ngoài ra, thường xuyên kiểm tra tình trạng làm việc của nhà vệ sinh di động: kiểm tra các đường ống, vách ngăn, nắp bể để không bị rò rỉ nước thải ra bên ngoài.

- Nước mưa chảy tràn: Trong giai đoạn xây dựng cơ bản, Công ty đào hố thu nước có diện tích khoảng 600 m² (ở phía Đông Nam) và hồ lắng có diện tích 500m², sức chứa khoảng 2.500m³ nằm ở phía Đông trong ranh moong khai thác để thu gom và lắng lọc toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn bề mặt và nước mưa rơi trực tiếp xuống khu vực dự án; nước sau hồ lắng theo mương, cống dẫn thoát ra suối nhỏ, đổ về suối Giao Kèo, nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Dinh.

3.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: Công ty tiếp tục sử dụng các nhà vệ sinh di động đã được đầu tư từ giai đoạn xây dựng cơ bản để thu gom nước thải sinh hoạt của công nhân. Chủ đầu tư ký hợp đồng với cơ sở xử lý có chức năng, năng lực theo quy định thực hiện xử lý định kỳ 2-3 lần/1 tuần. Ngoài ra, thường xuyên phải kiểm tra tình trạng làm việc của nhà vệ sinh di động: kiểm tra các đường ống, vách ngăn, nắp bể để không bị rò rỉ nước thải ra bên ngoài.

- Nước mưa chảy tràn: Lượng nước chảy vào mỏ tập trung tại hồ lắng và được Công ty tái sử dụng nước để tưới cây, tưới đường chống bụi và phục vụ phun nước làm ướt đá sản phẩm và các hoạt động sản xuất khác. Với lượng nước mưa ngày lớn nhất rơi vào khai trường là 1.101,24 m³/ngày thì hồ lắng với dung tích khoảng 2.500 m³ đủ sức chứa trong 2 ngày mưa lớn nhất. Hồ lắng dùng để thu gom và lắng lọc toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn bề mặt và nước mưa rơi

trực tiếp xuống khu vực dự án; nước sau hồ lắng theo mương, cống dẫn thoát ra suối nhỏ, đổ về suối Giao Kèo, nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Dinh.

3.2. Đối với bụi, khí thải

3.2.1. Giai đoạn xây dựng

- Không chở quá quy định về tải trọng làm ảnh hưởng đến chất lượng đường giao thông.

- Khu vực công trường xây dựng có kế hoạch thi công và cung cấp vật tư thích hợp; hạn chế việc tập kết vật tư ngoài trời mà không che chắn.

- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hóa các thao tác và quá trình thi công ở mức tối đa.

- Xung quanh khu vực thi công được che chắn cẩn thận, đảm bảo an toàn lao động, có biện pháp thi công che chắn công trình.

- Trong những ngày nắng tại khu vực công trường xây dựng thường xuyên phun nước hạn chế một phần bụi đất có thể theo gió phát tán vào không khí.

- Khi chuyên chở vật liệu xây dựng các xe vận tải không chở quá 90% thể tích của thùng xe và phải được phủ kín tránh tình trạng rơi vãi xi-măng, gạch, cát ra đường; khi xảy ra hiện tượng rơi vãi, phải cho thu dọn đoạn đường ngay.

- Bố trí thời gian vận chuyển vật liệu xây dựng thích hợp, tránh hoạt động vào giờ cao điểm (khung giờ đầu và cuối mỗi buổi sáng - chiều).

3.2.2. Giai đoạn vận hành

Giảm thiểu bụi trong moong khai thác

- Trong hoạt động bóc phủ, Công ty thực hiện bóc phủ tới đâu mới chặt thực vật tới đó.

- Trong hoạt động nổ mìn, Công ty sẽ sử dụng thuốc nổ có sản phẩm nổ cân bằng oxy gần bằng không như Anfo, Nhũ tương nên hạn chế được khí độc hại thải vào môi trường không khí; áp dụng nổ mìn vi sai phi điện có định hướng.

- Trong hoạt động xúc bốc, Công ty quy định các xe chở đúng tải trọng, tránh trường hợp chở quá tải trọng làm rơi vãi đất đá và phát sinh bụi.

- Giảm thiểu bụi trong quá trình xúc bốc đất phủ, đá nguyên khai tại khu vực khai trường.

- Khi xúc bốc đất phủ lên xe, thực hiện phủ bạt che kín thùng xe tải rồi mới di chuyển.

- Nhằm ngăn bụi phát tán từ moong khai thác ra xung quanh theo hướng gió, Công ty sẽ trồng cây xanh (bao gồm trồng lần đầu và trồng dặm bổ sung trong các năm sau) quanh moong, để giữ độ ẩm cho môi trường, tăng khả năng sa lắng bụi tại khu vực gần nguồn phát sinh, đồng thời còn giảm khả năng lan truyền bụi cũng như các chất ô nhiễm ra ngoài khu vực khai thác.



- Trong quá trình xúc bốc đất phủ, đá nguyên khai tại khu vực khai trường; khi xúc bốc đất phủ lên xe, thực hiện phủ bạt che kín thùng xe; tại khai trường đặt ống mềm di động phun nước vào đồng đá quặng sau khi phá đá để ngăn chặn bụi trong quá trình đào xúc đá.

Giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động khu chế biến và phụ trợ

- Tưới nước dập bụi tại trạm nghiền sàng; tại trạm nghiền sàng lắp đặt 01 hệ thống phun nước - tưới nước; các hệ thống phun nước này sẽ hoạt động liên tục trong suốt quá trình chế biến đá; phun nước làm ướt đá nguyên liệu ngay sau khi đổ đá vào hàm đập vận hành thủ công bởi công nhân vận hành máy xay, khi xe đổ đá thì mở van tưới nước vào đồng đá trong phễu; phun sương cao áp làm ướt đá tại hàm côn, tại các đầu băng tải để bụi không lan tỏa ra xung quanh.

- Tưới nước dập bụi tại trạm nghiền sàng, trang bị 01 bồn nước và 01 hệ thống bơm và đường ống cung cấp nước cho 02 trạm nghiền.

- Trồng cây keo lá tràm xung quanh sân công nghiệp.

- Thường xuyên thu gom, dọn dẹp, vệ sinh đá rơi vãi trên toàn bộ mặt bằng sân công nghiệp.

Giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển

- Sử dụng xe bồn 12 m² phun nước tưới đường vận chuyển trong những ngày nắng vào thời điểm phát sinh bụi với tần suất tưới mùa khô tưới 04 lần/ngày, mùa mưa tưới 02 lần/ngày.

- Quy định xe vận chuyển phải có thùng kín, có bạt che; cam kết bán đá đúng trọng tải của phương tiện vận chuyển.

- Chăm sóc cây xanh được trồng trong thời gian xây dựng cơ bản và trồng dặm bổ sung mật độ dày trên diện tích đã trồng (20% so với diện tích đã trồng).

- Cam kết duy tu bảo dưỡng tuyến đường cấp phối từ mỏ ra tuyến đường Hội Bài - Châu Pha - Đá Bạc.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

3.3.1. Giai đoạn xây dựng

Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Trong khu vực mỏ bố trí 05 thùng chứa chất thải sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh trong khuôn viên dự án và tập trung lưu chứa trong thùng chứa chất thải có nắp đậy, đảm bảo không rò rỉ.

- Hợp đồng đơn vị dịch vụ môi trường địa phương đến thu gom và xử lý đúng quy định. Điểm thu gom (trung chuyển) tại khu vực nhà nghỉ công nhân; đơn vị dịch vụ môi trường địa phương thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt hằng ngày để tránh phân hủy gây ô nhiễm.

- Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trong quá trình vận hành dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số

38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ.

Đối với chất thải rắn xây dựng

- Các loại chất thải rắn đất, cát, đá được thu gom liên tục trong quá trình xây dựng và tận dụng để san lấp mặt bằng hoặc vận chuyển, đổ bỏ đúng nơi quy định.
- Thu gom chuyển cho các cơ sở có chức năng thu mua phế liệu các loại chất thải rắn có thể tái chế như kim loại vụn, nhựa, giấy,...
- Đối với các loại chất thải không tái chế được thu gom và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý cùng rác thải sinh hoạt và chất thải nguy hại.
- Đất phủ được Công ty sử dụng cho các mục đích cải tạo phục hồi môi trường và các công tác xây dựng cơ bản của dự án như sửa chữa nâng cấp đường vận chuyển, đắp cầu cạn và bệ cấp liệu....; khối lượng còn lại được Công ty lưu tại bãi thải để hoàn thổ đáy moong sau khi kết thúc khai thác.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Phân loại chất thải tại nguồn, đối với chất thải rắn có khả năng tái sử dụng: như giấy văn phòng, vỏ hộp, giấy, ... sẽ được tập trung trong các giỏ nhựa; chuyển cho các đơn vị có nhu cầu trong vùng theo quy định.
- Đối với chất thải rắn sinh hoạt không còn khả năng tái sử dụng: được tập trung trong các thùng chứa có nắp đậy để tránh sự phân hủy gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe công nhân.
- Chất thải rắn sinh hoạt có thể tái sử dụng: chuyển cho các cơ sở thu mua đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
- Chất thải rắn sinh hoạt khác: hợp đồng với đơn vị có chức năng trong khu vực để vận chuyển và đưa đi xử lý hàng ngày theo quy định. Thời gian vận chuyển dự kiến khoảng 2 - 3 ngày một lần.

Đối với chất thải rắn công nghiệp

- Đất bóc phủ được lưu trữ tại bãi thải để sử dụng tu sửa đường, ... phần còn lại chờ hoàn thổ không gian đáy moong.
- Lượng thực vật phá bỏ được thu gom tại một vị trí nhất định (trong lòng moong khai thác). Đối với cây thân gỗ, Công ty chuyển cho người dân trong vùng làm nguyên liệu đốt.
- Mùn đá phát sinh chủ yếu là các bụi đá hạt mịn dạng cặn rắn không chứa chất nguy hại, khối lượng ít và nó được lắng xuống khu vực sân công nghiệp. Khi trời mưa lượng mùn đá này sẽ cuốn trôi theo dòng nước chảy về các mương nước xung quanh khu vực khai trường. Công ty sẽ thực hiện nạo vét 6 tháng/lần và đổ san lấp các chỗ trũng, đắp lên bờ đê hoặc bón vào đất trồng cây.



3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

3.4.1 Giai đoạn xây dựng

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng được thu gom, phân loại và lưu trữ trong thùng chứa có dán nhãn và lưu chứa tại khu lưu giữ chất thải nguy hại tạm thời bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có gắn biển hiệu cảnh báo, dán nhãn.

- Tổ chức xây dựng và hoàn thành trong năm 01 kho chứa CTNH diện tích khoảng 20 m² trên diện tích khu công trình phụ trợ; quy cách xây dựng kho tuân thủ theo đúng Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Bố trí 01 thùng đựng chất thải nguy hại dung tích khoảng 120 lít bằng chất liệu nhựa HDPE,... tại các khu vực phát sinh chất thải nguy hại (tại xưởng sửa chữa, trạm nghiền sàng,...) để thu gom hằng ngày; cuối ngày, Công ty sẽ đưa các CTNH về kho chứa CTNH để phân loại và lưu giữ để xử lý.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

- Đối với các thiết bị hư hỏng nhẹ sẽ tập trung về xưởng sửa chữa; trong trường hợp không tập trung về được thì sửa chữa tại chỗ, bố trí 1 thùng phuy có nắp đậy tại chỗ để chứa dầu thải, giẻ lau nhiễm dầu. Sau khi hoàn thành tập kết về kho chứa để đơn vị xử lý đến thu gom; CTNH thu gom theo từng loại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

- Công ty thu gom toàn bộ CTNH phát sinh và lưu giữ tại kho chứa CTNH. Kho đã được xây dựng trong giai đoạn xây dựng cơ bản mở; diện tích kho khoảng 20 m². Quy cách kết cấu tường gạch, mái che cách nhiệt, nền xi măng, nền cao hơn xung quanh 20cm, kết cấu đúng quy cách và đặt biển báo thông báo đặc tính nguy hại của từng loại chất thải theo đúng quy định theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT; cuối kho có hệ thống rãnh thu chất lỏng về hố ga thấp hơn sàn để bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi vệ sinh hoặc có sự cố rò rỉ, đổ tràn và bên ngoài kho chứa cần bố trí 01 thùng chứa vật liệu thấm hút (mi bụi) và 01 xẻng xúc bên ngoài kho để ứng phó sự cố chảy tràn chất lỏng theo đúng quy định.

- Đối với lượng dầu mỡ phát sinh tại trạm nghiền, Công ty sử dụng giẻ lau để thấm dầu dư; toàn bộ giẻ lau sẽ được thu gom và tập trung về kho chứa chất thải nguy hại.

- Tiến hành lập hồ sơ sổ chủ nguồn thải và nộp cho cơ quan quản lý chủ nguồn thải và hợp đồng với cơ sở xử lý có chức năng xử lý CTNH phát sinh tại mỏ theo đúng quy định; Hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý CTNH.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

3.5.1. Giai đoạn xây dựng

- Có kế hoạch thi công hợp lý, xe vận chuyển vật tư hoạt động vào thời gian thích hợp và khoảng cách hợp lý, không hoạt động tập trung.

- Công nhân thi công trong khu vực tập trung nhiều máy móc, tiếng ồn cao phải được trang bị các thiết bị hỗ trợ chống ồn như nút bịt tai.

- Tiếng ồn gây tác động trực tiếp đến công nhân xây dựng; để tránh tai nạn, cần giáo dục ý thức về an toàn lao động cho công nhân, đặt các biển cấm tại những nơi cần thiết.

- Công nhân vận hành các máy có độ ồn cao được luân phiên, có chế độ nghỉ ngơi hợp lý, tránh làm việc liên tục trong thời gian dài.

- Đối với xe tải vận chuyển sẽ không chế tốc độ vận chuyển khi vào khu vực dân cư trong khoảng 30 km/h để hạn chế chấn động rung do xe gây ra.

- Kiểm tra mức độ ồn rung trong quá trình xây dựng để đặt ra lịch thi công phù hợp để mức tiếng ồn đạt tiêu chuẩn cho phép; tổ chức lao động hợp lý, nhằm tạo ra những khoảng nghỉ không tiếp xúc với rung động khoảng từ 20 ÷ 30 phút và với thời gian tối đa cho một lần làm việc liên tục không quá 4 giờ.

- Các máy móc, thiết bị thi công có lý lịch kèm theo và được kiểm tra, theo dõi thường.

3.5.2. Giai đoạn vận hành

- Bố trí cho mô hoạt động theo đúng thiết kế khai thác mỏ đã được phê duyệt.

- Hệ thống nền móng của trạm nghiền sàng được xây dựng rộng, thường xuyên kiểm tra chân móng, để máy nhằm phát hiện nguyên nhân gây nên rung động để gia cố, sửa chữa. Bộ phận kỹ thuật thường xuyên bảo dưỡng máy móc, tra dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn của tổ hợp đập - nghiền - sàng.

- Bảo trì phương tiện, máy móc định kỳ; bảo dưỡng máy móc, tra dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn của các máy móc, thiết bị.

- Trang bị đầy đủ các trang phục cần thiết về an toàn lao động và hạn chế những tác hại cho công nhân.

- Giảm khả năng phát sinh nhiệt của các máy móc bằng cách kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, bôi trơn chống ma sát sinh nhiệt.

Biện pháp giảm thiểu chấn động rung, đá văng khi nổ mìn đối với khu vực mỏ và khu lân cận

- Sử dụng phương pháp nổ vi sai, kết hợp với nổ vi sai phi điện, nổ với lỗ khoan đường kính nhỏ (35mm và 105mm) nhằm giảm sóng chấn động, giảm hậu xung để tránh hiện tượng làm nứt nẻ và mất ổn định của bờ mỏ.

- Tuân thủ quy trình, quy chế khoan nổ mìn áp dụng cho công nghệ khai thác lộ thiên và được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động.

- Bố trí bãi nổ thích hợp nhằm giảm thiểu lớn nhất ảnh hưởng do đá văng, chấn động. Nổ mìn đúng như hộ chiếu dưới sự giám sát của chỉ huy nổ mìn và giám đốc điều hành mỏ.



- Phân công giám đốc điều hành mở phụ trách công việc tại khai trường. Lập hồ chiếu nổ mìn đầy đủ, chính xác theo quy định và phải được người có thẩm quyền phê duyệt. Tuyệt đối chấp hành theo hồ chiếu đã được phê duyệt.

- Các quy định nội dung cụ thể về nổ mìn, tín hiệu cảnh báo và các biện pháp an toàn sẽ được Công ty thông báo cho chính quyền địa phương và được thông báo rộng rãi cho công nhân và nhân dân trong vùng.

- Các quy định nội dung cụ thể về nổ mìn, tín hiệu cảnh báo và các biện pháp an toàn sẽ được Chủ đầu tư thông báo cho chính quyền địa phương và được thông báo rộng rãi cho công nhân và nhân dân trong vùng.

- Tuân thủ quy phạm an toàn về bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ theo tiêu chuẩn hiện hành.

- Trong phá đá quá cỡ, dùng búa thủy lực lắp trên máy đào.

- Bắn mìn theo giờ quy định, trong giờ bắn mìn tuyệt đối nghiêm cấm người không có phận sự qua lại trong khu vực nguy hiểm do nổ mìn theo bán kính an toàn là cho người là 300m và công trình là 200m. Tuân thủ quy định an toàn về bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 01:2019/BCT. Để giảm thiểu tác động do nổ mìn, Công ty bố trí thời gian nổ mìn vào giờ thấp điểm, lượng xe qua lại ít nhất.

3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

3.6.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được lựa chọn thực hiện

Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường được thực hiện với các nội dung chủ yếu sau:

- Trồng cây xung quanh moong, lắp dựng biển báo; làm hàng rào kẽm gai; củng cố bờ moong khai thác; tháo dỡ các công trình, thiết bị; dọn dẹp, san gạt mặt bằng đáy moong; nạo vét hệ thống mương rãnh xung quanh moong; bổ sung đất phủ, trồng cây xanh trên mặt bằng sau kết thúc khai thác.

- Cải tạo tuyến đường vận chuyển và đo vẽ địa hình khi kết thúc khai thác.

3.6.2. Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Công tác	ĐVT	Khối lượng
I	Cải tạo khu vực moong khai thác		
1	Cải tạo, phục hồi môi trường năm 1		
	Công tác trồng cây	Cây	210
	Công tác lắp đặt biển báo	Cái	12
	Công tác làm hàng rào kẽm gai	Cột	162
2	Cải tạo, phục hồi môi trường từ năm 2 đến năm thứ 5		
2.1	Năm 2		
	Công tác trồng cây	Cây	262

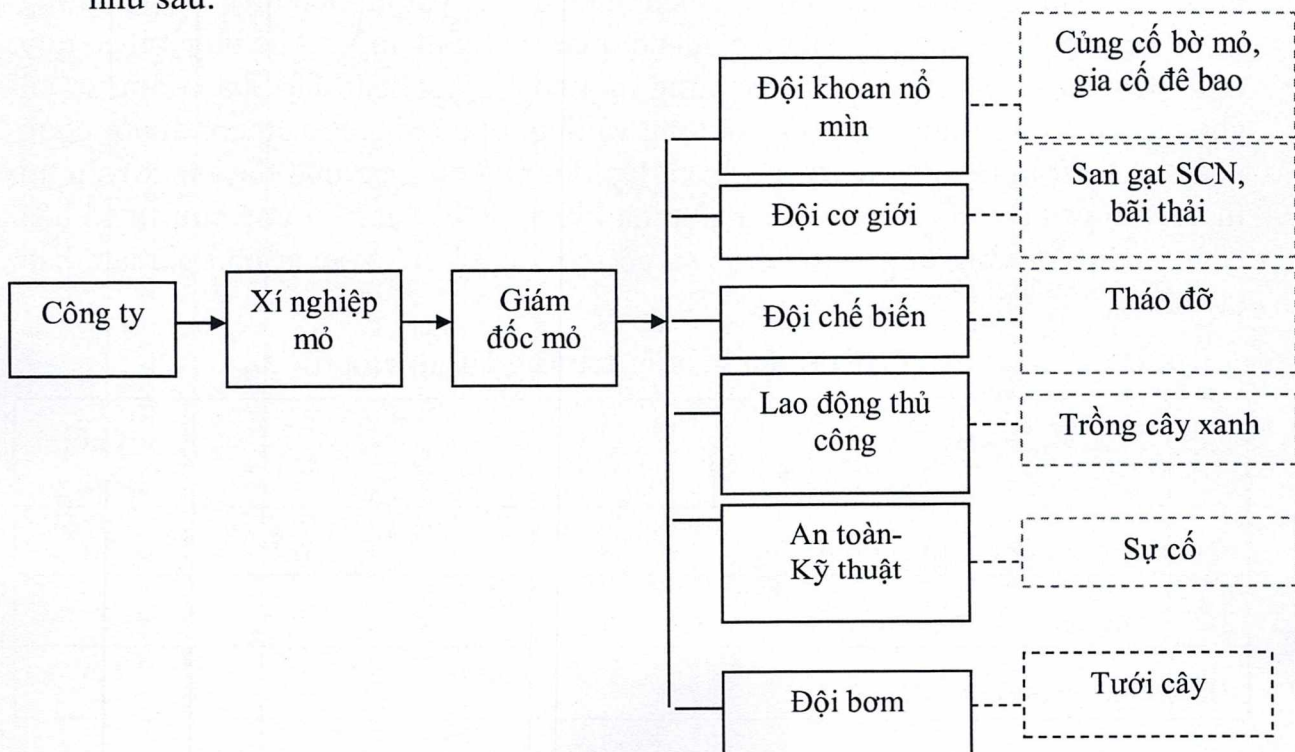
TT	Công tác	ĐVT	Khối lượng
	Củng cố bờ moong khai thác		
	<i>Trong đất phủ</i>	m ³	15,3
	<i>Trong đá gốc</i>	m ³	1,55
2.2	Năm 3		
	Công tác trồng cây	Cây	262
	Củng cố bờ moong khai thác		
	<i>Trong đất phủ</i>	m ³	10,5
	<i>Trong đá gốc</i>	m ³	3,2
2.3	Năm 4		
	Công tác trồng cây	Cây	262
	Củng cố bờ moong khai thác		
	<i>Trong đất phủ</i>	m ³	7,8
	<i>Trong đá gốc</i>	m ³	2,1
2.4	Năm 5		
	Công tác trồng cây	Cây	262
	Củng cố bờ moong khai thác		
	<i>Trong đất phủ</i>	m ³	6,6
	<i>Trong đá gốc</i>	m ³	1,18
3	Cải tạo, phục hồi môi trường từ năm 6 đến năm thứ 7		
3.1	Năm 6		
	Công tác trồng cây	Cây	210
	Củng cố bờ moong khai thác		
	<i>Trong đất phủ</i>	m ³	37,5
	<i>Trong đá</i>	m ³	4,23
3.2	Năm 7		
	Công tác trồng cây	Cây	210
	Củng cố bờ moong khai thác		
	<i>Trong đất phủ</i>	m ³	21
	<i>Trong đá</i>	m ³	2,91
	Trồng cây chùm ngây	m ²	17.411
4	Cải tạo, phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác		
	San gạt đáy moong	m ³	17.431



TT	Công tác	ĐVT	Khối lượng
	Trồng cây	m ²	11.926
	Trồng cây trên vách taluy	m ²	3.520
	Nạo vét mương rãnh	m ³	109,6
II	Cải tạo khu vực sân công nghiệp		
	Tháo dỡ, phá bỏ các công trình, thiết bị tại khu vực sân công nghiệp		
	- Tháo dỡ khu công trình phụ trợ	tấn	20
	- Tháo dỡ hệ thống nghiền sàng	tấn	30
	- Phá bỏ, san gạt cầu cạn	m ³	1.500
	- Phá bỏ, san gạt mặt bằng tiếp nhận đá	m ³	3.225
	- Phá bỏ kè bảo vệ	m ³	10
	- Phá dỡ trạm biến áp	tấn	0,2
	- Tháo dỡ trạm cân	tấn	2
III	Các công tác phục hồi khác		
	Cải tạo đường vận chuyển	m ²	1.072
	Quan trắc môi trường	Đợt	2
	Đo vẽ địa hình hiện trạng	Ha	4,55

3.6.3. Kế hoạch thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

Công tác cải tạo, phục hồi môi trường được tổ chức theo một sơ đồ quản lý như sau:



3.6.4. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

a) Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 1.342.652.766 (Một tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi hai ngàn, bảy trăm sáu mươi sáu đồng).

b) Phương thức ký quỹ

- Số lần ký quỹ: 7 lần.

Số tiền ký quỹ lần đầu: 329.663.190 đồng (Ba trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi ba ngàn, một trăm chín mươi đồng).

Số tiền ký quỹ những lần sau: 168.831.596 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm ba mươi một ngàn, năm trăm chín mươi sáu đồng).

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021)

- Thời điểm thực hiện ký quỹ: Thực hiện ký quỹ lần đầu trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt phương án; việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Xây dựng kho CTNH theo đúng quy định thiết kế và lưu giữ tạm thời CTNH theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Tuân thủ quy định quản lý, bàn giao CTNH cho đơn vị xử lý. Thường xuyên theo dõi tình trạng nền kho, mương rãnh, mái che, hố gom chất thải lỏng tránh quá tải; kiểm tra tình trạng các thiết bị chứa để kịp thời phát hiện sự cố rò rỉ, tràn đổ.

- Chủ dự án thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các rủi ro, sự cố khác (tai biến địa chất, cháy nổ,...) theo đúng các quy định liên quan; lập phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Khi có sự cố xảy ra, lập tức dừng mọi hoạt động khai thác, báo động sự cố cho toàn mỏ; tập trung toàn bộ lao động và thiết bị để ứng cứu sự cố; di dời công nhân và thiết bị ra vùng an toàn; thành lập đội ứng cứu, có mặt thường xuyên tại mỏ, tập luyện diễn tập ứng phó sự cố định kỳ; trang bị dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất nhằm sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất như giẻ lau, bao tay, cát,...

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng
01	Kho chứa chất thải nguy hại	m ²	20
02	Thùng chứa rác sinh hoạt (10 - 200 lít)	Thùng	5
03	Nhà vệ sinh di động	Cái	2



TT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng
04	Rãnh thoát nước quanh khai trường	m	dài 1.096 m, rộng 1m, sâu 0,5m
05	Hồ lắng	Cái	1
06	Hồ thu nước	Cái	1

5. Chương trình giám sát môi trường

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: tại hồ lắng.
- Thông số giám sát: pH, BOD5, COD, TSS, Tổng P, Tổng N, dầu mỡ khoáng, Coliform.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/01 lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột B.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Thực hiện thống kê và lưu giữ chất thải theo quy định.
- Tần suất giám sát: thường xuyên.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

Thực hiện theo Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án theo đúng quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP; chủ đầu tư dự án phối hợp với tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5.3. Trong giai đoạn vận hành

5.3.1. Giám sát không khí

- Vị trí giám sát: 1 vị trí tại khu vực cuối hướng gió của trạm nghiên (thay đổi theo hướng gió trong năm).
- Tần suất giám sát: 6 tháng/01 lần.
- Thông số giám sát: CO, SO₂, NO_x, bụi và tiếng ồn.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

5.3.2. Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: Tại hố lắng.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/01 lần.
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng P, Tổng N, dầu mỡ khoáng, Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

5.3.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thực hiện thông kê và lưu giữ chất thải theo quy định.
- Tần suất giám sát: thường xuyên.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án phải thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Chủ dự án phải thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ môi trường, Luật đất đai, Luật Khoáng sản và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu, hiện trạng đã nêu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Thực hiện dự án theo đúng thiết kế, phương án thi công,... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định. Chỉ đưa dự án đi vào vận hành sau khi đã đầu tư hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

6.2. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.3. Lập và gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

6.4. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

6.5. Kiểm tra, giám sát hoạt động thi công xây dựng và vận hành dự án bảo đảm không gây tác động tiêu cực đến môi trường, đến an toàn các hạng mục công trình dự án và các đối tượng xung quanh khác, đặc biệt là đối với các khu dân cư. Thường xuyên tưới nước nhằm giảm thiểu bụi trong quá trình hoạt động và vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào dự án.

6.6. Thực hiện tuân thủ Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 23/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy định về phân vùng phát thải khí thải, xả nước thải theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tuân thủ đầy đủ các quy định đối với hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất (nếu có).



6.7. Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường, phải lập tức dừng ngay mọi hoạt động, kịp thời ứng phó sự cố, khắc phục hậu quả và đền bù mọi thiệt hại xảy ra đối với các đối tượng bị tác động bởi hoạt động của dự án.

6.8. Chủ dự án phải đền bù những thiệt hại về môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

6.9. Thực hiện chương trình giám sát, quản lý môi trường theo đúng nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát.

6.10. Định kỳ 06 tháng/lần báo cáo tiến độ triển khai thực hiện dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.

6.11. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của quyết định này và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

6.12. Phải bảo đảm việc cải tạo, phục hồi môi trường được thực hiện ngay trong quá trình khai thác theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Thực hiện duy tu, bảo trì bảo đảm chất lượng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định. Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường tại nơi đã tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường, Chủ dự án có trách nhiệm đầu tư để khắc phục.